

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội  
đồng bào Mông, huyện Mường Lát, giai đoạn 2016 - 2020”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Công văn số 1531/VPCP-KTTH ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về đồng ý kéo dài thời gian thực hiện Dự án ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội các bản Mông huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3501/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương Đề án “Ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát, giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Mường Lát tại Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát, giai đoạn 2016 - 2020”.

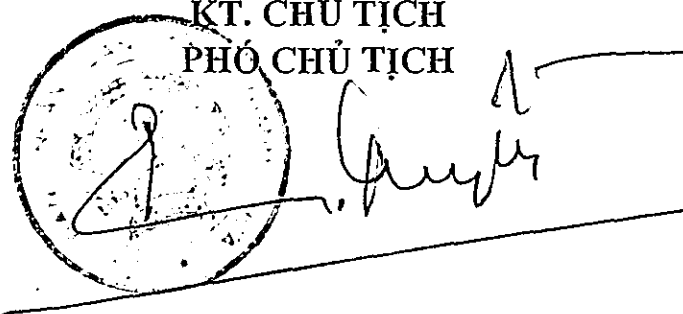
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Giao thông Vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND huyện Mường Lát; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. truu

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
  - Văn phòng Chính phủ (để b/c);
  - Ban Chỉ đạo Tây Bắc (để b/c);
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
  - Ban Dân Vận; Văn phòng Tỉnh ủy;
  - Mặt trận Tổ quốc; các đoàn thể cấp tỉnh;
  - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, VX.
- DTMN/2016/Ngọc.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**

**ĐỀ ÁN**

**“Ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội  
đồng bào Mông, huyện Mường Lát, giai đoạn 2016 - 2020”**

*(Kèm theo Quyết định số: 71 /QĐ-UBND ngày 07/01/2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trước năm 1989, trên địa bàn huyện Mường Lát, đồng bào Mông cư trú tập trung ở xã Pù Nhi. Từ năm 1989 đến nay đồng bào Mông từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào địa bàn với số dân chiếm 58,3% dân số người Mông ở huyện Mường Lát. Hiện nay đồng bào Mông ở huyện Mường Lát có 2.748 hộ, 15.048 khẩu, chiếm tỷ lệ 41,47% dân số toàn huyện, cư trú tập trung ở 40 bản, thuộc 6 xã của huyện Mường Lát, dọc biên giới với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và vùng giáp ranh với tỉnh Sơn La. Địa bàn cư trú chủ yếu là rừng đầu nguồn và trong rừng sâu, vùng núi cao, khu vực rừng phòng hộ sung yếu, có vị trí quan trọng về môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh.

Những năm qua, Đảng, Nhà nước và các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông, thông qua các chương trình mục tiêu, các dự án, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Mông huyện Mường Lát được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, thu nhập bình quân đầu người được nâng lên; văn hóa, y tế, giáo dục từng bước được đổi mới; hoạt động của hệ thống chính trị từng bước được củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, do địa bàn cư trú có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình chia cắt mạnh, dân cư phân tán, cách xa trung tâm, nguồn vốn đầu tư có hạn, nên mặc dù đã có sự quan tâm hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, dự án, chính sách cho vùng này nhưng cũng chỉ mới giải quyết một phần nhu cầu về cơ sở hạ tầng thiết yếu, về đảm bảo các điều kiện thuận lợi để ổn định đời sống và sản xuất, nên thực tế hiện nay, tại các bản đồng bào Mông sinh sống ở huyện Mường Lát vẫn còn rất nhiều khó khăn: sản xuất phát triển chậm và chưa vững chắc, tỷ lệ hộ nghèo cao (49,16%), đói giáp hạt hàng năm vẫn còn tồn tại; tình trạng đốt phá rừng làm rẫy du canh, du cư vẫn diễn ra; hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu còn thiếu và yếu kém; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; chất lượng giáo dục, y tế và mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp; tình trạng nghiện hút, buôn bán các

chất ma túy, di cư tự do, hoạt động tôn giáo, truyền đạo trái pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp, các hủ tục lạc hậu: Ma chay, hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn vẫn còn tồn tại, giao lưu đi lại khó khăn, tài nguyên rừng bị xâm hại, môi trường sinh thái bị phá vỡ, hoạt động của các tổ chức đoàn thể và năng lực cán bộ thôn bản còn rất hạn chế.

Để nhanh chóng khắc phục những khó khăn, yếu kém nêu trên, tạo bước đột phá giúp đồng bào dân tộc Mông, huyện Mường Lát ổn định đời sống, sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội, hòa nhập, giao lưu thuận lợi với các dân tộc khác trong vùng, thực hiện định canh, định cư vững chắc, góp phần quan trọng trong công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020 theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh và trong việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh thì việc xây dựng “Đề án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020” là rất cần thiết.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐỀ ÁN**

### **1. Đối tượng**

Đồng bào dân tộc Mông đang sinh sống tại 40 bản trên địa bàn 6 xã thuộc huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với dân số 2.748 hộ và 15.048 khẩu.

### **2. Phạm vi**

Đề án thực hiện trên địa bàn 40 bản thuộc 6 xã, huyện Mường Lát với tổng diện tích là 26.463,3 ha. Trong đó: Xã Pù Nhi: 7 bản 4.388,8 ha; Nhi Sơn: 6 bản 3.786,3 ha; Trung Lý: 12 bản 6.532,0 ha; Mường Lý: 10 bản 5.403,0 ha; Tam Chung: 4 bản 4.535,2 ha; Quang Chiêu: 1 bản 1.818 ha.

## **III. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN: Năm 2016 -2020**

## **IV. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào Mông. Phấn đấu đến năm 2020 đồng bào có đời sống ổn định, sản xuất phát triển bền vững, dân trí được nâng cao; đảm bảo định canh, định cư vững chắc, không còn tình trạng di cư tự do. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, theo hướng tập trung bảo vệ và phát triển rừng, phát triển chăn nuôi, khai thác thế mạnh của từng vùng theo quy hoạch. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, nhất là an ninh biên giới, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Về bố trí sắp xếp dân cư và ổn định đời sống**

Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư 369 hộ, 2.316 khẩu, đảm bảo đến năm 2020, 100% số hộ người Mông, huyện Mường Lát định canh, định cư vững chắc.

## 2.2. Về phát triển sản xuất

- Quy hoạch, bố trí đủ diện tích đất sản xuất lương thực tại chỗ với mức bình quân mỗi hộ từ 0,8 ha trở lên để đến năm 2020 đạt mức lương thực bình quân 550 kg/người/năm, thu nhập tối thiểu bình quân 16 triệu đồng/người/năm.

- Phát triển chăn nuôi gia trại, phấn đấu đến năm 2020 đàn trâu 5.776 con, đàn bò 8.664 con, đàn lợn 28.880 con, đàn dê 11.552 con, đàn gia cầm 115.520 con.

## 2.3. Về văn hóa - xã hội và môi trường: Phấn đấu đến năm 2020 đạt:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1% (toàn huyện là dưới 1%/năm).

- Mỗi năm giảm từ 6-7% hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo các bản đồng bào Mông bằng với mức bình quân của huyện, 100% các hộ thoát nghèo bền vững.

- Đảm bảo đủ phòng học kiên cố cho các lớp học Mầm non Tiểu học và nhà công vụ cho giáo viên, 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường học.

- 98% đồng bào được xem truyền hình, 100% được nghe đài phát thanh, tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh là 100%.

- Tỷ lệ hộ dùng điện lưới đạt 100%

- 100% bản có điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng được xây dựng kiên cố.

- Các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp được bảo tồn và phát huy như; giảm thiểu số cặp tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; không còn tảo hôn.

- 100% cán bộ thôn bản có trình độ văn hoá tốt nghiệp THPT trở lên, 100% bản có mạng lưới cộng tác viên khuyến nông, khuyến lâm và y tế bản có trình độ từ trung cấp trở lên.

- Nâng độ che phủ của rừng lên 75% (bằng mức chung của huyện).

## 2.4. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản hoàn thành việc xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu cho các bản người Mông; 100% số bản người Mông có đường giao thông liên bản được cứng hóa, đảm bảo xe cơ giới đến trung tâm bản.

# V. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

## 1. Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư

*1.1. Số hộ cần bố trí, sắp xếp:* 369 hộ, 2.316 khẩu; số điểm quy hoạch là 12 điểm (12 bản).

## *1.2. Hướng tổ chức bố trí, sắp xếp dân cư*

- Bố trí định cư xen ghép cho 323 hộ, 2.027 khẩu.

- Bố trí di chuyển đến điểm quy hoạch mới (tại bản) 46 hộ, 289 khẩu.

## 2. Phát triển các ngành sản xuất

### *2.1. Sản xuất nông nghiệp*

a. Trồng trọt

- Cây lúa: Lúa nước 166 ha, năng suất 50 tạ/ha, sản lượng 1.275 tấn; lúa nương 933 ha, năng suất 24,8 tạ/ha; sản lượng 2.313,8 tấn.
- Cây ngô: Diện tích 1.071 ha, năng suất 35 tạ/ha; sản lượng 5.162 tấn.
- Cây sắn: Diện tích 342 ha, năng suất 120 tạ/ha; sản lượng 4.104 tấn.
- Cây Mơ, cây mận, cây đào: 549,1 ha

b. Chăn nuôi:

- Đàn trâu: Tổng đàn đạt 5.776 con, bình quân 2 con/hộ;
- Đàn bò: Tổng đàn đạt 8.664 con, bình quân 3 con/hộ;
- Đàn lợn: Tổng đàn đạt 28.880 con, bình quân 10 con/hộ;
- Đàn dê: Tổng đàn 11.552 con, bình quân 2 con/hộ
- Đàn gia cầm: Tổng đàn đạt 115.520 con, bình quân 40 con/hộ.

**2.2. Ngành lâm nghiệp**

- Tiếp tục bảo vệ diện tích rừng tự nhiên 7.973 ha.
- Tập trung trồng rừng là 6.100 ha, bằng các loại cây: Lát, Xoan và Luồng

**2.3. Ngành nghề và dịch vụ**

- Phát triển mạnh nghiền sát, chế biến nông sản.
- Khôi phục và phát triển nghề rèn truyền thống.
- Phát triển dịch vụ vật tư nông nghiệp, dịch vụ kỹ thuật.
- Tiến tới hình thành cụm sơ chế và đầu mối thu gom sản phẩm nông, lâm sản tại bản Nà Ôn xã Trung Lý, bản Pù Ngựa xã Pù Nhi, bản Chim xã Nhi Sơn.
- Đầu tư xây dựng 2 chợ văn hóa tại xã Trung Lý và xã Mường Lý.

**3. Phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội**

**3.1. Công tác giảm nghèo**

Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 6-7%/năm; cuối năm 2020, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo bằng mức bình quân của huyện.

**3.2. Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực**

- Đầu tư xây dựng kiên cố phòng Tiểu học 29 phòng /1.740 m<sup>2</sup>, sửa chữa 44 phòng/1.420 m<sup>2</sup> nhà cấp 4 đã xuống cấp; 41 phòng học mầm non/2.460 m<sup>2</sup>, sửa chữa 12 phòng học đã xuống cấp/369 m<sup>2</sup> và xây dựng 2.880 m<sup>2</sup> nhà công vụ cho giáo viên Tiểu học và Mầm non; 100% các cháu trong độ tuổi đến trường. Mỗi bản có từ 2-3 cháu được cử tuyển vào các trường trung học, cao đẳng, đại học.

**3.3. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

- Đầu tư xây dựng 40 nhà y tế bản và nhà ở cho cán bộ y tế bản.
- Bố trí để 100% bản người Mông có cán bộ y tế bản đạt chuẩn.

### ***3.4. Bảo tồn bản sắc văn hóa***

Tăng cường công tác vận động để xóa bỏ các tập tục lạc hậu, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh; khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, như: Múa hát, ném còn, khèn lá, khèn bè, sáo.

### ***3.5. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở và cộng đồng***

Đào tạo cho 120 người, có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, bồi dưỡng, tập huấn cho 160 cán bộ bản, cán bộ chuyên môn của bản về quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

### ***3.6. Hệ thống truyền thanh bản***

Đầu tư lắp đặt mỗi bản 01 hệ thống truyền thanh không dây.

### ***3.7. Xóa bỏ nhà tạm, tranh tre, nứa lá và di chuyển chuồng trại chăn nuôi ra xa nhà ở***

- Hỗ trợ xóa nhà tranh tre, tạm bợ cho 226 hộ gia đình
- Hỗ trợ cho 2.600 hộ/40 bản để di chuyển các công trình vệ sinh và chuồng trại chăn nuôi ra xa nhà ở.

## ***4. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng***

### ***4.1. Đường giao thông***

- Đầu tư xây dựng đường giao thông liên bản dài 77 km; tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp B: Đường bê tông xi măng.

### ***4.2. Điện lưới***

- Xây dựng đường dây trung áp (35 KV), với tổng chiều dài 65 km.
- Xây dựng đường dây hạ áp 0,4 KV và trạm biến áp: 35km/ 25 TBA

### ***4.3. Thủy lợi***

Xây dựng 7 hệ thống đập/14,1 km mương tưới cho 105 ha.

### ***4.4. Nước sinh hoạt tập trung***

Xây mới 5 đập dâng, 5 bể lọc và 15,1 km đường ống, 25 bể chứa. Sửa chữa 10 công trình nước đã bị hư hỏng với 5,2 km đường ống.

### ***4.5. Trường học, nhà ở giáo viên***

- Xây dựng 29 phòng học tiểu học/1.440 m<sup>2</sup>, sửa chữa 44 phòng/1.420 m<sup>2</sup>, xây dựng 49 phòng/1.230 m<sup>2</sup> nhà công vụ cho giáo viên tiểu học
- Xây dựng 41 phòng học/2.280 m<sup>2</sup>, sửa chữa 12 phòng/369 m<sup>2</sup> đã xuống cấp và xây dựng 66 phòng/1.650 m<sup>2</sup> nhà công vụ cho giáo viên mầm non.

### ***4.6. Nhà văn hóa bản***

Xây dựng 29 nhà văn hóa bản kiên cố, với diện tích 2.320 m<sup>2</sup>.

### ***4.7. Nhà y tế bản***

Xây dựng 40 nhà y tế bản, diện tích 4.000 m<sup>2</sup>/120 phòng và trang bị một số thiết bị y tế cần thiết; xây dựng xây dựng 40 nhà ở cán bộ y tế/880 m<sup>2</sup>.

**4.8. Xây dựng chợ:** Xây dựng 2 chợ tại xã Pù Nhi và Trung Lý.

## **VI. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: 550.758 triệu đồng**

*Trong đó:*

**1.1. Vốn sự nghiệp: 122.514 triệu đồng, gồm:**

- Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất: 100.208 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ đời sống: 18.346 triệu đồng;
- Vốn đào tạo nhân lực: 3.960 triệu đồng.

**1.2. Vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng: 428.244 triệu đồng.**

**2. Nguồn vốn thực hiện Đề án**

**2.1. Ngân sách Trung ương: 399.565 triệu đồng.**

**2.2. Vốn ngân sách tỉnh: 102.268 triệu đồng**

**2.3. Vốn Doanh nghiệp và của dân: 48.925 triệu đồng.**

**3. Dự kiến nguồn vốn thực hiện theo các năm**

Đơn vị: Triệu đồng

| Năm         | Nguồn vốn      |                   | Phân theo nguồn ngân sách |                |                    | Tổng           |
|-------------|----------------|-------------------|---------------------------|----------------|--------------------|----------------|
|             | Sự nghiệp      | Đầu tư Phát triển | Trung ương                | Tỉnh           | Doanh nghiệp & dân |                |
| 2016        | 18.377         | 64.237            | 59.935                    | 15.340         | 7.339              | 82.614         |
| 2017        | 22.052         | 77.084            | 77.922                    | 18.408         | 8.806              | 99.136         |
| 2018        | 24.503         | 85.649            | 79.913                    | 20.454         | 9.785              | 110.152        |
| 2019        | 28.178         | 98.496            | 91.900                    | 23.522         | 11.253             | 126.674        |
| 2020        | 29.404         | 102.778           | 95.896                    | 24.544         | 11.742             | 132.182        |
| <b>Tổng</b> | <b>122.514</b> | <b>428.244</b>    | <b>399.565</b>            | <b>102.268</b> | <b>48.925</b>      | <b>550.758</b> |

## **VII. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Hiệu quả kinh tế**

- Nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào Mông huyện Mường Lát, giải quyết được cơ bản những vấn đề bức xúc trong đời sống, xã hội của đồng bào Mông.

- Sử dụng quỹ đất đai hợp lý; khai hoang thêm được 82 ha diện tích trồng lúa nước, tạo được 2.346 ha nương định canh, trồng rừng 8.100 ha.

- Thực hiện Đề án sẽ tạo điều kiện để áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, năng suất lúa nước tăng 19 tạ/ha so năm 2015, lúa rẫy tăng 7 tạ/ha, ngô tăng 8,2 tạ/ha góp phần bảo đảm an ninh lương thực, chấm dứt tình trạng phát rừng làm nương rẫy, du canh của đồng bào; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm từ tự nhiên, thả rông thành chăn nuôi gia trại, trang trại, được nuôi nhốt và

phòng trừ dịch bệnh, tạo điều kiện để tăng thêm được 3.010 con trâu, 3.786 con bò, 23.500 con lợn, 74.000 con gia cầm. Nâng mức thu nhập bình quân từ 8 triệu đồng/người/năm lên 16 triệu đồng/người/năm.

## **2. Hiệu quả xã hội**

- Đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống cho 2.748 hộ, 15.048 khẩu tại 40 bản đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn huyện Mường Lát.

- Tạo sự phân bố hợp lý, thuận tiện ở các điểm dân cư, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết, củng cố niềm tin của đồng bào Mông đối với Đảng, Nhà nước.

- Cơ sở kỹ thuật và kết cấu hạ tầng phúc lợi được xây dựng sẽ góp phần nâng cao dân trí, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, cải thiện đời sống văn hóa, xã hội cho đồng bào.

- Trình độ, năng lực cán bộ bản được nâng lên, đảm đương được công việc chung của bản, kịp thời ngăn chặn các tệ nạn xã hội ở địa bàn.

- Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu với bên ngoài.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 49,16% năm 2014 xuống bằng mức bình quân chung của huyện vào năm 2020; xóa bỏ tình trạng nhà ở tạm bợ, dột nát.

## **3. Hiệu quả môi trường**

- Vệ sinh môi trường vùng Đề án được cải thiện nhờ hỗ trợ bố trí, sắp xếp dân cư tập trung, di chuyển nhà vệ sinh, công trình phụ và xây dựng chuồng trại chăn nuôi; xây dựng hệ thống nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Tăng độ che phủ của rừng, góp phần tăng cường phòng hộ, bảo vệ tài nguyên đất, hạn chế xói mòn rửa trôi đất, nâng cao độ phì của đất.

## **4. Hiệu quả về an ninh, quốc phòng**

Làm cho các bản người Mông cư trú dọc tuyến biên giới ổn định, tạo ra lực lượng tại chỗ bảo vệ biên giới, là phen dậu chống các lực lượng xâm canh, xâm cư, du canh, du cư từ bên ngoài, kết hợp chặt chẽ với bộ đội Biên phòng, lực lượng vũ trang trên địa bàn, xây dựng thế trận Biên phòng toàn dân, gắn với thế trận Quốc phòng toàn dân, thế trận An ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng hành lang bảo vệ biên giới vững chắc.

# **VIII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

## **1. Giải pháp bố trí, sắp xếp dân cư và di chuyển chuồng trại**

- Tổ chức định cư xen ghép đối với các hộ đang ở phân tán, khu vực có nguy cơ sạt lở, trong khu vực rừng phòng hộ. Tập trung vào tuyên truyền vận động, hỗ trợ kinh phí tạo nền nhà, hỗ trợ di chuyển nhà. Mức hỗ trợ căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước được quy định tại Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt

Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; các quy định hiện hành khác về bố trí sắp xếp, ổn định dân cư để triển khai thực hiện; mức hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình 20 triệu đồng/hộ.

- Đối với các hộ nằm trong đối tượng bố trí sắp xếp dân cư: Bố trí đủ đất ở và đất sản xuất theo định mức quy định về đất ở, đất sản xuất tại Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Ưu tiên hỗ trợ về đào tạo nghề, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nương định canh... để các hộ nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất.

- Tập trung tuyên truyền để di dời chuồng trại chăn nuôi ra xa nhà ở để đảm bảo vệ sinh môi trường, nhằm hạn chế dịch bệnh phát sinh lây lan từ gia súc, gia cầm sang người; hướng dẫn đồng bào bố trí, sắp xếp các công trình phụ (bếp, nhà vệ sinh), và tạo quỹ đất để đồng bào có đất làm vườn trồng rau phục vụ đời sống hàng ngày; mức hỗ trợ bình quân 2 triệu đồng/hộ.

## **2. Giải pháp quy hoạch sử dụng đất và Phát triển nông, lâm nghiệp**

### **2.1. Về quy hoạch sử dụng đất**

Rà soát thực trạng việc giao đất ở, đất sản xuất và giao rừng cho các hộ để tiến hành điều chỉnh bổ sung giao đất ở, đất sản xuất, giao rừng đảm bảo phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015 -2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, của xã để đồng bào cư trú ổn định và yên tâm sản xuất. Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với điều kiện địa hình, phong tục tập quán của đồng bào Mông: Đối với đất trống, đồi núi trọc thuộc rừng phòng hộ tập trung trồng rừng bằng các loại cây lâm nghiệp bản địa, lâu năm để phủ xanh đất trống và đảm bảo chức năng phòng hộ; đối với đất trống thuộc rừng sản xuất, thiết kế trồng rừng sản xuất bằng các loại cây lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế (Lát, Xoan, Luông, vv..) và các loại cây dược liệu phù hợp với điều kiện sinh thái, có hiệu quả kinh tế cao; những khu đất piềng, bãi khai hoang để sản xuất lúa nước, những nơi không có điều kiện trồng lúa nước thì quy hoạch làm nương cố định để trồng lúa cạn, ngô, sắn và các loại cây hàng năm khác; quy hoạch khu chăn thả và trồng cỏ để chăn thả gia súc.

### **2.2. Phát triển nông, lâm nghiệp**

- Hỗ trợ kinh phí để các hộ gia đình khai hoang làm ruộng lúa nước, xây dựng đồng ruộng; cân đối chuyển nương rẫy du canh thành nương sản xuất định canh. Thực hiện canh tác bền vững trên đất dốc, đảm bảo cho mỗi hộ có được diện tích 0,8 ha trở lên (cả lúa nước và nương định canh) để sản xuất ổn định và thực hiện sản xuất luân canh, sử dụng nguồn vốn 30a để tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ một số loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao phù hợp với địa bàn miền núi; hỗ trợ phân bón, thuốc trừ sâu và hướng dẫn kỹ thuật theo các

chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình 30a, Chương trình 135 và các chính sách đầu tư, hỗ trợ khác.

- Xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, để làm ít tổn kém; các kênh mương dẫn nước phục vụ công tác khai hoang và thâm canh tăng vụ.

- Tiến hành điều tra quy hoạch cụ thể để hình thành vùng sản xuất tập trung một số loại cây dược liệu làm thuốc.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở sơ chế sản phẩm nông nghiệp, có quy mô nhỏ để sơ chế bảo quản nông sản; phổ biến kỹ thuật và hướng dẫn cách bảo quản và chế biến các loại sản phẩm nông sản, như: Sấy khô, chế biến thủ công và sử dụng công nghệ bảo quản.

- Tăng cường công tác chuyển giao kỹ thuật mới về khuyến nông, khuyến lâm (bón phân đúng sâu, kỹ thuật canh tác trên đất dốc, làm ruộng bậc thang...) và chăn nuôi gia súc, gia cầm bằng các hình thức phù hợp: Tập huấn kỹ thuật, xây dựng các mô hình trình diễn về kinh tế VAC, kinh tế vườn đồi, vườn rừng, kinh tế trang trại. Hỗ trợ xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, khuyến nông, khuyến lâm, phát triển nghề rừng.

- Tăng cường công tác quản lý chăn thả đàn gia súc, gia cầm và công tác thú y, nhằm khống chế dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, giảm thiệt hại về kinh tế cho đồng bào.

- Thực hiện ưu tiên giao thêm kế hoạch khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch, để đồng bào có thêm thu nhập và được hưởng các nguồn lợi từ rừng.

- Tăng cường các hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn phát triển sản xuất để nhân dân có điều kiện thuận lợi trong việc vay vốn mở rộng sản xuất, theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 về Chính sách vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2011-2015 và các kênh vay vốn khác của Hội Nông dân, Hội phụ nữ.

- Khuyến khích và có cơ chế ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân thu mua sản phẩm nông, lâm nghiệp do đồng bào sản xuất ra.

### **3. Giải pháp về phát triển ngành nghề dịch vụ**

- Khuyến khích phát triển ngành nghề truyền thống (nghề rèn, đan lát, thêu, làm khèn); dịch vụ thương mại, bằng cách tạo điều kiện về thủ tục đăng ký kinh doanh; mặt bằng sản xuất; hỗ trợ vốn, kỹ thuật sản xuất và chính sách ưu đãi về thuế; đào tạo chuyển giao công nghệ; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc và hỗ trợ bao tiêu đầu ra cho sản phẩm.

- Tìm kiếm thị trường tiêu thụ các mặt hàng do đồng bào sản xuất ra, quảng bá giới thiệu sản phẩm truyền thống của đồng bào Mông.

- Xây dựng 2 chợ văn hóa đồng bào Mông tại xã Pù Nhi và Trung Lý để tạo điều kiện cho đồng bào trao đổi hàng hóa, dịch vụ và giao lưu văn hóa với nhân dân nơi khác đến

#### **4. Giải pháp về khoa học - kỹ thuật và công nghệ**

- Áp dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi cho đồng bào, thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, huấn luyện về kiến thức, kỹ năng và các hoạt động cung ứng dịch vụ để hỗ trợ đồng bào sản xuất đạt hiệu quả cao, thích ứng các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường.

- Ứng dụng kỹ thuật thâm canh tiên tiến trong trồng trọt như: Đưa các loại giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, các loại giống đặc sản của địa phương, phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng sinh thái trên địa bàn; áp dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, gieo mạ che phủ nilon vào mùa rét, sử dụng phân dúi sâu, phân hữu cơ, phân tổng hợp, phân vi sinh; áp dụng công nghệ phòng trừ dịch hại tổng hợp, công nghệ sau thu hoạch, lịch thời vụ trong trồng trọt; hướng dẫn đồng bào về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và một số loại cây trồng khác vv...xây dựng các mô hình trình diễn về trồng trọt, về nông lâm kết hợp để đồng bào thăm quan học tập và nhân ra diện rộng.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho đồng bào về nhận thức và kỹ năng áp dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ để nâng cao trình độ sản xuất trong chăn nuôi; sử dụng các loại giống mới, giống lai có ưu thế vượt trội; chọn lọc, cải tiến nâng cao chất lượng giống lợn, gia cầm thuộc giống đặc sản tại địa phương; phát triển dịch vụ thụ tinh nhân tạo phối giống cho trâu, bò để nâng cao tầm vóc đàn trâu, bò; hướng dẫn đồng bào xây dựng các loại chuồng trại chăn nuôi đảm bảo đúng kỹ thuật theo từng loại con nuôi và sử lý chất thải đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường; chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong trong chăn nuôi nhất là phòng chống dịch bệnh, chống rét cho gia súc, gia cầm; đồng thời kết hợp xây dựng các mô hình trình diễn (chăn nuôi gia trại, trang trại) để đồng bào thăm quan, học tập nhằm giúp đồng bào thay đổi tư duy cũ, tiếp cận tư duy, phương pháp chăn nuôi mới; để chủ động đầu tư, tiếp cận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào chăn nuôi, chuyển đổi phương thức chăn nuôi, chăn thả tự do, sang phương thức bán chăn thả, tiến tới chăn nuôi cố định

Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ phục vụ trồng trọt, chăn nuôi ở vùng đồng bào Mông, đặc biệt là mạng lưới khuyến nông bản; xây dựng, quy hoạch các vùng chăn nuôi an toàn

#### **5. Giải pháp về nguồn lực và đào tạo; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở**

- Nâng cao dân trí cho nhân dân trong vùng, tổ chức dạy tiếng Việt cho trẻ em người Mông dưới 5 tuổi để khi vào học tiểu học có khả năng nghe và tiếp thu tốt bằng tiếng Việt; chú trọng hướng dẫn, tập huấn theo hình thức “cầm tay chỉ việc”; phát triển hệ thống truyền thanh các bản để đưa thông tin kịp thời, đầy đủ đến người dân.

- Tăng cường chỉ tiêu cử tuyển con em người dân tộc Mông huyện Mường Lát vào các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và bố trí công việc hợp lý cho sinh viên người Mông tốt nghiệp ra trường.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về quản lý, về khuyến nông, khuyến lâm, khoa học, kỹ thuật, cách làm ăn mới, hiểu biết về pháp luật cho cán bộ và nhân dân; đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020” và các chương trình đào tạo, tập huấn khác; triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 01 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành, quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn. Phát huy các giá trị tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Mông.

- Rà soát đánh giá phân loại chất lượng hoạt động của các chi bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở bản, để có kế hoạch bồi dưỡng và củng cố; bồi dưỡng những thanh niên ưu tú vào đảng để tăng cường lực lượng cho chi bộ Đảng.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng (Chi đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Chi hội nông dân ...) tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn minh, không di cư tự do, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, cúng bái và truyền đạo trái phép.

#### **6. Giải pháp về tuyên truyền vận động**

- Sử dụng các hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với trình độ dân trí, văn hóa giao tiếp của đồng bào, để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc; tuyên truyền các tấm gương điển hình tiên tiến trong lao động, sản xuất, bảo vệ đường biên mốc giới, trong việc xóa bỏ các tập tục lạc hậu; vận động đồng bào tích cực phát triển sản xuất, giữ gìn bản sắc văn hóa, hiểu rõ những hậu quả của việc di cư tự do, phá rừng, canh tác lạc hậu, trồng, buôn bán, vận chuyển các chất ma túy để đồng bào tự giác thay đổi tập quán du canh, du cư tạo lập cuộc sống ổn định, bền vững, hòa nhập với các dân tộc khác trên địa bàn.

- Tăng cường phát huy vai trò tích cực của người có uy tín, già làng, trưởng dòng họ trong vận động gia đình, dòng họ, thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Xây dựng hương ước, ký cam kết của hộ gia đình trong việc thực hiện nếp sống văn hóa mới, định canh, định cư, không phá rừng, không trồng, buôn bán tàng trữ và sử dụng các chất ma túy, không di cư tự do, không truyền đạo và theo đạo trái pháp luật, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu.

#### **7. Giải pháp về cơ chế, chính sách tín dụng và đầu tư**

Thực hiện tốt việc huy động các nguồn vốn từ các Chương trình MTQG, các dự án khác theo Kết luận số 25-KL/TW, Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, cùng với nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân và của nhân dân. Ưu tiên bố trí vốn và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện đầu tư và hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội cho các bản Mông:

- Xây dựng đường giao thông: Kết hợp các nguồn vốn: ODA, Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình làm cầu dân sinh cho khu vực miền núi,

Chương trình làm đường vành đai biên giới của Bộ Quốc phòng, Chương trình cơ chế chính sách khuyến khích phát triển GTNT trên địa bàn tỉnh và các chương trình khác đầu tư về giao thông.

- Xây dựng đường điện sinh hoạt: Bố trí nguồn vốn theo Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 về việc “Phê duyệt dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020”; báo cáo và đề xuất với Bộ Công thương ưu tiên bổ sung vào diện đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 5810/BCT-TCNL ngày 26/6/2014 của Bộ Công thương, kết hợp với Chương trình dự án năng lượng nông thôn 2 và các chương trình khác đầu tư về điện nông thôn.

- Nước sinh hoạt: Bố trí nguồn vốn từ Chương trình Mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, kết hợp với nguồn vốn từ Chương trình theo Quyết định 755/QĐ-TTg về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào thiểu số và các chương trình khác hỗ trợ về nước sinh hoạt.

- Xây dựng thủy lợi, khai hoang: Bố trí vốn từ Chương trình kiên cố hóa kênh mương theo Quyết định số 19/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ, kết hợp với nguồn vốn theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến 2020 và các chương trình đầu tư về thủy lợi.

- Xây dựng các công trình phòng học, nhà ở giáo viên: Bố trí vốn từ Chương trình theo Quyết định 1625/QĐ-TTg, ngày 11/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2014-2015 và lộ trình đến năm 2020, kết hợp với các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ khác về giáo dục.

- Trạm truyền thanh bản: Bố trí vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, kết hợp với các nguồn vốn hỗ trợ khác của tỉnh, huyện.

- Xây dựng nhà văn hóa bản: Bố trí nguồn vốn từ Chương trình 135, kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức đơn vị để thực hiện.

- Hỗ trợ xóa nhà tranh tre tạp bọ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) và các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ di chuyển chuồng trại ra ngoài nơi ở đảm bảo môi trường và sức khỏe cộng đồng hỗ trợ theo Chương trình 135 và theo Quyết định 2621/QĐ-TTg, ngày 31/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết 30a, kết hợp với chương trình bảo vệ sức khỏe cộng đồng của ngành y tế và với nguồn lực trong nhân dân để thực hiện.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **1. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ vào tình hình thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

### **2. Phân công trách nhiệm**

#### **2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì đầu mối với Bộ chủ quản để cân đối bố trí vốn hàng năm cho Đề án thực hiện các mục tiêu đề ra

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định kế hoạch, dự án đầu tư, bố trí kế hoạch vốn để thực hiện hàng năm; hướng dẫn thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động khác để thực hiện.

#### **2.2. Sở Tài chính**

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ vào khả năng ngân sách hàng năm, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt vốn sự nghiệp để thực hiện Đề án.

- Thực hiện cấp phát, theo dõi cấp phát, hướng dẫn, giám sát chi tiêu tài chính và thanh quyết toán vốn của đề án theo quy định.

#### **2.3. Ban Dân tộc**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính. UBND huyện Mường Lát và các Sở, ban, ngành chức năng có liên quan hướng dẫn lồng ghép các chương trình, chính sách dân tộc để triển khai thực hiện Đề án.

#### **2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng các phương án, kế hoạch, dự án cụ thể trong việc phát triển kinh tế hộ, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất nông, lâm nghiệp và các ngành nghề nông nghiệp, chuyển giao, tập huấn việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp, xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi cho vùng đề án.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp, đề xuất kinh phí và hướng dẫn huyện Mường Lát, các xã vùng Đề án thực hiện việc hỗ trợ di dời đối với các hộ nằm trong vùng có nguy cơ thiên tai, sạt lở đất theo Quyết định 1776/QĐ-TTg.

#### **2.5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì chỉ đạo rà soát lại quỹ đất để tiến hành quy hoạch, giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào theo đúng quy định.

- Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất và số diện tích rừng được giao khoán cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình.

#### **2.6. Sở Công thương**

- Ưu tiên vốn để thực hiện đầu tư điện nông thôn cho các bản dân tộc Mông vùng đề án theo Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch

UBND tỉnh về “Phê duyệt dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020”

- Hướng dẫn công tác khuyến công; đào tạo, tập huấn phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

### ***2.7. Sở Giao thông Vận tải***

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và UBND huyện Mường Lát ưu tiên, lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án về đường giao thông nông thôn, đường vành đai biên giới, xây dựng cầu dân sinh để đầu tư xây dựng đường giao thông đến các bản dân tộc Mông, huyện Mường Lát.

### ***2.8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội***

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững ở các bản vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Mường Lát chỉ đạo công tác đào tạo nghề, trọng tâm là nghề trồng trọt, chăn nuôi, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và chế biến nông sản....

Quán triệt, nâng cao nhận thức về lợi ích trong xuất khẩu lao động và ưu tiên chỉ tiêu xuất khẩu lao động, hỗ trợ học nghề ở các bản vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát.

### ***2.9. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh***

Chủ trì đầu mối với các Bộ, ngành liên quan ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án quốc phòng đầu tư cho khu vực biên giới để thực hiện Đề án.

Chỉ đạo, phối hợp với các ngành chức năng, UBND huyện Mường Lát và chính quyền các xã trong vùng tuyên truyền vận động đồng bào tham gia thực hiện đề án; tuyên truyền để đồng bào tích cực tham gia bài trừ các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật; hướng dẫn giúp đỡ đồng bào tăng gia sản xuất phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện tốt công tác quản lý đường biên, mốc giới, bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

### ***2.10. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh***

Chỉ đạo Đoàn kinh tế Quốc phòng 5 phối hợp với UBND huyện Mường Lát lồng ghép, ưu tiên đầu tư nguồn vốn đầu tư hỗ trợ các chương trình, dự án quốc phòng; hướng dẫn đồng bào tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế.

### ***2.11. Các Sở, ban, ngành liên quan***

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thường trực để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án .

### ***2.12. UBND huyện Mường Lát***

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường rà soát quy hoạch sử dụng đất và giao đất cho các hộ; hướng dẫn đồng bào phát triển sản xuất trồng trọt và chăn nuôi.

- Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải để kêu gọi đầu tư nguồn vốn nước ngoài ODA tài trợ; phối hợp với các ngành chức năng ưu tiên bố trí và lồng ghép các nguồn vốn được nhà nước đầu tư, hỗ trợ trên địa bàn; huy động các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân và của nhân dân để thực hiện Đề án.

- Hàng năm ưu tiên chỉ tiêu đi học cử tuyển cho con em của 40 bản dân tộc Mông; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực cho cán bộ bản của dân tộc Mông; thường xuyên kiểm tra giám sát quá trình thực hiện các mục tiêu của Đề án.

- Ưu tiên sử dụng và bố trí việc làm cho con em đồng bào 40 bản Mông sau khi tốt nghiệp Đại học, cao đẳng ra trường.

- Chỉ đạo UBND các xã có đồng bào Mông sinh sống:

+ Phối hợp với các phòng chức năng rà soát, quy hoạch sử dụng đất và bố trí đất hợp lý cho việc phát triển kinh tế, xã hội của các bản.

+ Hàng năm, ưu tiên các chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất của các chương trình, dự án tập trung đầu tư cho các bản đồng bào Mông trên địa bàn.

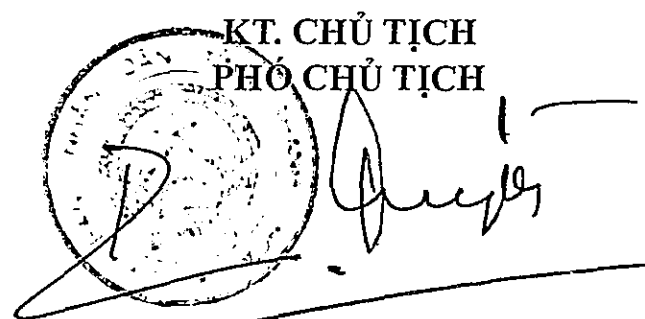
+ Tuyên truyền vận động đồng bào thực hiện ổn canh, ổn cư, phát triển kinh tế, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở tham gia giám sát và thực hiện có hiệu quả Đề án.

+ Thường xuyên nắm bắt những tâm tư, tình cảm và tình hình đời sống của đồng bào; cùng các ngành đóng trên địa bàn tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện Đề án./.

LMUW

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền